

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày 15-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Ngọc Khanh - Thư ký Toà án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K; địa chỉ: Số 40-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Trọng A – Chuyên viên xử lý nợ, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 3579/QĐ-NHKL ngày 11 tháng 9 năm 2023); có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1963 và bà Lê Thị N, sinh năm 1963; đều có nơi cư trú tại: Thôn P, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; **Có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (Viết tắt là Ngân hàng) do ông Đỗ Trọng A là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 30/5/2018 Ngân hàng và vợ chồng ông Hoàng Văn L bà Lê Thị N ký Hợp đồng tín dụng số 389/18/HĐTD/1400-2986 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng) với nội dung: Ngân hàng cho ông L bà N vay số tiền 1.000.000.000đồng để hoàn tiền vốn xây nhà ở; thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày 02/6/2018; lãi suất cho vay 11,7%/năm; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay ngày trước thời điểm quá hạn; lãi suất chậm trả 10%/năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngân hàng đã giải ngân cho ông L bà N vay số tiền 1.000.000.000đồng tại Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 389/KUNN.CN ngày 02/6/2018. Ông L bà N đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại diện tích đất 938m² thửa đất số 99 tờ bản đồ số 11 tại thôn P, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA408944, số vào sổ cấp GCN: 01435/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/11/2004 cho chủ sử dụng là ông Hoàng Văn L) để thế chấp đảm bảo cho khoản vay nêu trên tại Ngân hàng. Việc thế chấp đã được hai bên ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 075/HĐTC/2018 quyền số: 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/5/2018 (viết tắt là Hợp đồng thế chấp) tại Văn phòng công chứng Đất Cảng – thành phố Hải Phòng và ngày 31/5/2018 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện An Dương.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ông L bà N đã trả được cho Ngân hàng số tiền là 593.645.478đồng, trong đó: nợ gốc là 291.900.000đồng, lãi trong hạn 300.905.954đồng, lãi quá hạn 328.854đồng, tiền phạt chậm trả lãi 510.670đồng. Ông L bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 28/6/2021.

Do ông L bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện ông L bà N tại Tòa án. Ngân hàng yêu cầu ông L bà N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 15 tháng 3 năm 2024 với số tiền là 1.047.068.628 đồng, trong đó: Nợ gốc: 708.100.000đồng, lãi trong hạn 227.022.404 đồng, lãi quá hạn 79.792.342 đồng, phạt chậm trả lãi 32.153.882 đồng và yêu cầu ông L bà N thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 16/3/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông L bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 11 (Địa chỉ: thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA408944, số vào sổ cấp GCN: 01435/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/11/2004 cho chủ sử dụng là ông Hoàng Văn L và theo hiện trạng tài sản thế chấp mà Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng, thì ông Hoàng Văn L và bà Lê Thị N vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Việc xem xét miễn giảm lãi sẽ được Ngân hàng và ông L bà N thỏa thuận khi tất toán khoản vay và khi ông L bà N có đơn đề nghị xét giảm tiền lãi. Nếu ông L bà N trả hết tiền gốc và có đơn đề nghị thì số tiền ông L bà N trả sẽ được ưu tiên thu vào nợ gốc, việc tính lãi sẽ dừng khi trả hết nợ gốc.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng yêu cầu ông L bà N phải hoàn trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000 đồng mà Ngân hàng đã chi trả khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Ông Hoàng Văn L và bà Lê Thị N xác định lời trình bày của đại diện nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, số tiền ông bà đã trả và số tiền còn nợ của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký tính đến hết ngày 15/3/2024 là đúng. Cụ thể, tính đến hết ngày 15/3/2024, ông bà còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.047.068.628 đồng, trong đó: Nợ gốc: 708.100.000 đồng, lãi trong hạn 227.022.404 đồng, lãi quá hạn 79.792.342 đồng, phạt chậm trả lãi 32.153.882 đồng.

Nay ông bà đề nghị trả toàn bộ tiền nợ gốc 708.100.000 đồng và xin miễn toàn bộ tiền lãi, nếu không được miễn toàn bộ tiền lãi thì ông bà đề nghị Ngân hàng miễn các khoản tiền lãi quá hạn, lãi phạt cho ông bà. Vì hiện nay ông bà đang gặp khó khăn về công việc, ông Long lại bị bệnh thường xuyên phải đi bệnh viện khám chữa bệnh nên kinh tế gia đình đang gặp khó khăn không đủ điều kiện trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 15/3/2024 là 1.047.068.628 đồng.

Diện tích đất thế chấp tại thửa đất số 99 nêu trên, ông bà là người trực tiếp quản lý sử dụng và sau khi thế chấp cho Ngân hàng ông bà đã hiến một phần đất để mở rộng đường theo yêu cầu của địa phương. Trường hợp ông bà không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông bà đồng ý với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với diện tích đất và tài sản gắn liền với diện tích đất tại thửa đất số đất 99 tờ bản đồ số 11 tại thôn P, xã L như yêu cầu của Ngân hàng và theo hiện trạng tài sản thế chấp mà Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2024.

Đối với chi phí tố tụng, ông bà đồng ý hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 5.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 298, 299, 463, 466, 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự; các điều 90, 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét

xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Hoàng Văn L và bà Lê Thị N. Buộc ông Hoàng Văn L và bà Lê Thị N trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tính đến hết ngày 15/3/2024. Trường hợp ông Long và bà Nga không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Long và bà Nga đối với Ngân hàng như yêu cầu của Ngân hàng.

Về án phí: Ông Hoàng Văn L và bà Lê Thị N được miễn án phí dân sự cho ông L bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên vụ vãn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu trả nợ:

[3.1] Hợp đồng tín dụng số 389/18/HĐTD/1400-2986 ngày 30/5/2018 ký giữa Ngân hàng và ông Hoàng Văn L, bà Lê Thị N đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, Hợp đồng tín dụng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ là giải ngân cho ông Long và bà Nga vay số tiền 1.000.000.000.000 đồng tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 389/KUNN.CN ngày 02/6/2018. Ông Long và bà Nga đã nhận đủ số tiền vay và đã trả Ngân hàng một phần tiền vay của Hợp đồng tín dụng với số tiền là 593.645.478 đồng, trong đó: nợ gốc là 291.900.000 đồng, lãi trong hạn 300.905.954 đồng, lãi quá hạn 328.854 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 510.670 đồng. Khoản vay được trả dần theo tháng nhưng từ ngày 28/6/2021 ông L bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông L bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ Hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ theo quy định tại các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

[3.2] Căn cứ lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ cho Ngân hàng cung cấp, số tiền ông L bà N vay của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 15/3/2024, ông L bà N còn nợ Ngân hàng là 1.047.068.628 đồng, trong đó: Nợ gốc: 708.100.000 đồng, lãi trong hạn 227.022.404 đồng, lãi quá hạn 79.792.342 đồng, phạt chậm trả lãi 32.153.882 đồng. Theo Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi vay, lãi quá hạn, lãi phạt, xét thỏa thuận của các đương sự trong Hợp đồng tín dụng về các khoản tiền lãi là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do ông Long và bà Nga đã vi phạm thời hạn trả nợ nên đã phát sinh lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả lãi, vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L bà N trả số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 15/3/2024 với số tiền là 1.047.068.628 đồng, trong đó: Nợ gốc: 708.100.000 đồng,

lãi trong hạn 227.022.404 đồng, lãi quá hạn 79.792.342 đồng, phạt chậm trả lãi 32.153.882 đồng là có căn cứ chấp nhận. Yêu cầu của ông L bà N về việc xin miễn giảm các khoản tiền lãi không được nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2024, ông Long và bà Nga còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi vay của số tiền nợ gốc của hợp đồng chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

[4.1] Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của ông Long và bà Nga tại Ngân hàng, ông Long và bà Nga đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99, diện tích 938 m², tờ bản đồ số 11 tại thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA408944, số vào sổ cấp GCN: 01435/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/11/2004 cho chủ sử dụng là ông Hoàng Văn L. Xét, Hợp đồng thế chấp nêu trên được thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ năng lực, thẩm quyền, được chứng nhận bởi cơ quan công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên Hợp đồng thế chấp là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Tại điểm a khoản 1 Điều 10 của Hợp đồng thế chấp quy định về xử lý tài sản thế chấp quy định: “Bên A (Bên nhận thế chấp) được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi một phần hoặc toàn bộ các khoản phải trả, kể cả các khoản phải trả chưa đến hạn, nếu xảy ra một hoặc các trường hợp sau đây: a) Khi Bên B (Bên thế chấp) không trả đầy đủ, đúng hạn bất kỳ khoản phải trả đến hạn theo quy định...”. Do ông Long và bà Nga đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định tại các điều 298, 299, 500, 501 và 502 Bộ luật Dân sự và các điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[4.2] Theo Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2024, diện tích đất thế chấp tại thửa đất số 99 nêu trên hiện nay còn 876,8m², giảm so với diện tích đất ông Long được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ lời khai của ông Long, bà Nga và theo cung cấp của địa phương thì diện tích đất tại thửa đất số 99 giảm là do ông L bà N đã hiến một phần đất để mở rộng đường và do sai số trong quá trình đo đạc. Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo hiện trạng, ông Long và bà Nga cũng đồng ý với yêu cầu này của Ngân hàng do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mại tài sản thế chấp theo hiện trạng là có căn cứ chấp nhận. Diện tích hiện trạng của thửa đất số 99 nêu trên được giới hạn bởi các mốc 13, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13 theo sơ đồ kèm theo bản án này.

[5] Về chi phí tố tụng: Tòa án đã chi phí việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp hết số tiền là 5.000.000đồng, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông L bà N phải chịu chi phí này theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chi phí này Ngân hàng đã chi trả nên buộc ông L bà N phải hoàn trả cho Ngân hàng chi phí tố tụng với số tiền là 5.000.000đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Long và bà Nga phải chịu án phí dân sơ thẩm. Tuy nhiên, ông L bà N là người cao tuổi và có đề nghị miễn nộp án phí nên miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông L bà N. Trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 298, 299, 463, 466, 500, 501 của Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 4, các điều 90, 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với ông Hoàng Văn L và bà Lê Thị N.

1.1. Buộc ông Hoàng Văn L và bà Lê Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 389/18/HĐTD/1400-2986 ngày 30/5/2018 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 389/KUNN.CN ngày 02/6/2018 tính đến hết ngày 15 tháng 3 năm 2024 với tổng số tiền là 1.047.068.628 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu không trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc 708.100.000 đồng, lãi trong hạn 227.022.404 đồng, lãi quá hạn 79.792.342 đồng và phạt chậm trả lãi 32.153.882 đồng.

Kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2024 bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi vay của số tiền nợ gốc của từng hợp đồng chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp ông Hoàng Văn L và bà Lê Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99 tờ bản đồ số 11 tại thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA408944, số vào sổ cấp GCN: 01435/QSĐĐ do UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/11/2004 cho chủ sử dụng là ông Hoàng Văn L) theo

diện tích thửa đất đo thực tế là 876,80m² được giới hạn bởi các mốc 13, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13 (Có sơ đồ kèm theo bản án này).

Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì ông Hoàng Văn L và bà Lê Thị N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

1.3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Văn L và bà Lê Thị N phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2. Về án phí: Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền 20.850.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo Biên lai số 0008323 ngày 15 tháng 12 năm 2023. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Văn L và bà Lê Thị N.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền yêu cầu thi thành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên

